

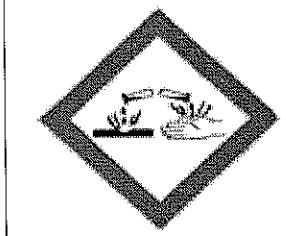


CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT VIỆT TRÌ
Phố Sông Thao, phường Thọ Sơn, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
Tel: 02103911696 – Fax: 02103911512

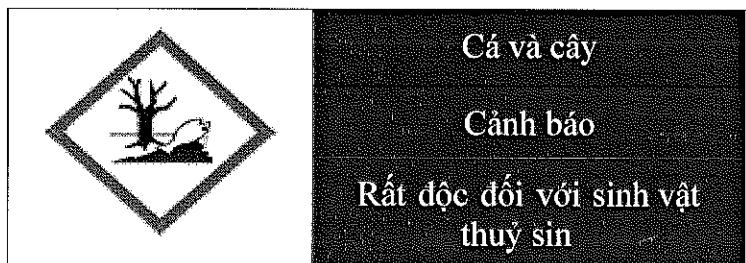
**PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT
SODIUM HYPOCHLORITE 8 %**

(Mẫu theo Thông tư số 32 /2017/TT-BCT
ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Công Thương)

STT	Nội dung	Giải thích								
1	Nhận dạng hóa chất và thông tin về nhà cung cấp	<p>a) Mã phân loại sản phẩm theo GHS: - Số CAS: 7681-52-9; - Số UN: 1791; - Số đăng ký EC: 231-668-3; - Tên thương mại: Sodium Hypochlorite.</p> <p>b) Mục đích sử dụng và hạn chế khi sử dụng: Dùng trong các ngành công nghiệp tẩy rửa, khử trùng, xử lý nước...</p> <p>c) Thông tin nhà sản xuất: - Công ty CP Hoá chất Việt Trì; - Phố Sông Thao, phường Thọ Sơn, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. - Số điện thoại: 02103911696.</p> <p>d) Số điện thoại liên hệ trong trường hợp khẩn cấp: Tel: 02103911511 (24h/24h)</p>								
2	Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất	<p>a) Phân loại theo GHS và thông tin phân loại theo theo số liệu hợp lệ có sẵn của các quốc gia, khu vực, tổ chức thử nghiệm. (Ví dụ: EU, Mỹ, OSHA...)</p> <p>Phân loại theo hệ thống hài hòa toàn cầu GHS: - Ăn mòn da (loại 1A)</p> <p>Theo HMIS (Mỹ) :</p> <table border="1"><tbody><tr><td>- Sức khỏe:</td><td>3</td></tr><tr><td>- Dễ cháy:</td><td>0</td></tr><tr><td>- Phản ứng:</td><td>0</td></tr><tr><td>- Bảo vệ cá nhân:</td><td>E</td></tr></tbody></table> <p>b) Các yếu tố nhãn theo GHS: (Cảnh báo nguy hiểm, hướng dẫn bảo quản, sử dụng..)</p>	- Sức khỏe:	3	- Dễ cháy:	0	- Phản ứng:	0	- Bảo vệ cá nhân:	E
- Sức khỏe:	3									
- Dễ cháy:	0									
- Phản ứng:	0									
- Bảo vệ cá nhân:	E									

STT	Nội dung	Giải thích
		<p>- Cảnh báo nguy hiểm: Cấp 1 A</p>  <div style="display: flex; justify-content: space-around; align-items: center;"> <div style="text-align: center;"> <p>Ăn mòn</p> <p>Nguy hiểm</p> </div> <div style="text-align: center;"> <p>Gây bỏng da và hóng mắt</p> </div> </div> <p>- Hướng dẫn bảo quản sử dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Vật liệu thích hợp làm thùng chứa, thiết bị, đường ống: nhựa PVC, PE, PTFE, composite; + Đóng gói trong bình chứa, bao bì kín đặt ở nơi thông thoáng, tránh để gần axit, không để ánh sáng trực tiếp chiếu vào sản phẩm, bảo quản tốt nhất ở nhiệt độ < 35°C; không chứa javen vào thùng chứa hóa chất có tính axit sẽ phát sinh khí Clo độc. <p>c) Các thông tin nguy hại khác:</p> <p>Chưa có thông tin</p>
3	Thông tin về thành phần các chất	<p>Nhận dạng hóa chất, nồng độ, phàm trǎm nồng độ trong khoảng xác định của tất cả các chất độc hại trên ngưỡng quy định:</p> <p>a) Tên thông thường: Javen, natri hypoclorit, dịch tẩy trắng.</p> <p>b) Các nhận dạng khác của sản phẩm:</p> <p>Số CAS: 7681-52-9;</p> <p>c) Tên thương mại: Sodium Hypochlorite.</p> <p>- Công thức hóa học: NaClO;</p> <p>d) Tạp chất và chất ổn định có ảnh hưởng đến việc phân loại hóa chất: Không có.</p> <p>Hỗn hợp chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - NaClO 8 % Clo hữu hiệu (Cl*); - Thành phần nguy hiểm: Sodium Hypochlorite (NaClO).
4	Biện pháp sơ cứu về y tế	<p>a) Các biện pháp tương ứng với các đường phơi nhiễm:</p> <p>- Trường hợp tai nạn khi tiếp xúc với mắt (bị văng, dây vào mắt): Rửa mắt ngay bằng nước sạch rửa nhiều lần trong khoảng 15 phút (giữ cho mắt mở khi rửa) sau đó gọi cấp cứu hoặc nhanh chóng chuyển</p>

STT	Nội dung	Giải thích
		<p>đến cơ sở y tế gần nhất.</p> <p>- Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da (bị dây vào da): Cởi bỏ ngay quần áo, đồ bảo hộ khi bị dính dung dịch sau đó tắm, rửa nhiều với nước .</p> <p>- Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp (hít thở phải hóa chất nguy hiểm dạng hơi, khí):</p> <ul style="list-style-type: none"> + Chuyển nơi thoáng khí nghỉ ngơi, đặt nạn nhân tư thế nửa nằm nửa ngồi, thổi ngạt khi cần thiết; + Cho súc miệng nước sạch nhiều lần, gọi cấp cứu hoặc nhanh chóng chuyển đến cơ sở y tế. <p>b) Các triệu chứng/tác hại nghiêm trọng tức thời và ảnh hưởng sau này:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mắt: Javen gây đau rát mạnh và có thể dẫn đến tình trạng hư hỏng mắt; - Da: Javen gây ăn mòn da, tấy đỏ, phồng rộp; - Hệ tiêu hóa: Đau ở khoang bụng có cảm giác bỏng rát, có thể nôn mửa, bất tỉnh. <p>c) Các chỉ thị và hướng dẫn đặc biệt cần thiết: Thận trọng khi sử dụng.</p>
5	Biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn	<p>a) Các phương tiện chữa cháy thích hợp: Sử dụng bất kỳ phương tiện chữa cháy nào.</p> <p>b) Các chất độc được sinh ra khi bị cháy (khí độc....): Không được coi là chất dễ cháy.</p> <p>c) Phương tiện, trang phục bảo hộ và cảnh báo cần thiết khi chữa cháy: Mắt nạ phòng độc, quần áo chống thấm nước, ủng, găng tay cao su.</p>

STT	Nội dung	Giải thích
	<p>Biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi có sự cố</p>	<p>a) Trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó sự cố:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trang bị bảo hộ: Quần áo, ủng, găng tay cao su; kính mắt; khẩu trang. - Quy trình ứng phó sự cố: <ul style="list-style-type: none"> + Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ: <ul style="list-style-type: none"> . Kiểm soát ngay tại nguồn phát sinh; . Dùng nước rửa làm loãng. - Khi tràn đổ, rò rỉ lớn ở diện rộng: <ul style="list-style-type: none"> + Tìm cách ngăn rò rỉ kết hợp bơm chuyển hóa chất sang nơi chứa khác, cách ly khu vực bị tràn đổ; Dùng cát, đất tạo bờ chắn xung quanh không để hóa chất chảy lan rộng, dùng dụng cụ múc thu gom chứa vào thiết bị chứa khác chở về nơi sản xuất xử lý, sau đó phun nước làm sạch nơi bị tràn chảy; + Liên hệ với các bộ phận, đơn vị có chức năng ứng phó giải quyết sự cố. <p>b) Các cảnh báo về môi trường</p> <div data-bbox="692 1012 1438 1275" style="text-align: center;">  <p>Cá và cây Cảnh báo Rất độc đối với sinh vật thuỷ sinh</p> </div> <p>c) Biện pháp, vật liệu vệ sinh sau khi xảy ra sự cố:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thu gom tối đa lượng javen tràn đổ sau đó rửa sạch bằng nước; - Việc tiêu huỷ những dụng cụ có dính hoá chất tuân theo quy định của Nhà nước.
7	<p>Yêu cầu về sử dụng, bảo quản</p>	<p>a) Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm: Trang bị đầy đủ quần áo BHLĐ, giày hoặc ủng; kính nhựa BHLĐ, găng tay cao su, khẩu trang;</p> <p>b) Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản: Thiết bị chứa đảm bảo có độ chắc chắn kín vật liệu được làm bằng nhựa PVC, PE, PTFE, composite, khu vực chứa phải có bờ ngăn, phương tiện thu hồi khi có tràn chảy. Không để lắn với các chất có tính axit, các kim loại hoặc hợp chất kim loại lắn vào sản phẩm; để nơi thoáng mát; tránh nhiệt độ cao và ánh sáng trực tiếp.</p>

STT	Nội dung	Giải thích
8	Kiểm soát phơi nhiễm/yêu cầu về thiết bị bảo vệ cá nhân	<p>a) Các thông số kiểm soát: Tránh tiếp xúc trực tiếp với hóa chất.</p> <p>b) Các biện pháp kiểm soát thiết bị phù hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kho, thiết bị chứa, đường ống đảm bảo chắc chắn, an toàn, kín; tuân thủ đúng các quy định của Nhà nước về an toàn hóa chất; - Kho, thiết bị chứa phải có tem nhãn, nhận dạng hóa chất phù hợp với từng loại hóa chất. <p>c) Biện pháp và thiết bị bảo hộ cá nhân:</p> <p>Khi thực hiện công việc phải trang bị đầy đủ quần áo BHLĐ, giày hoặc ủng; kính nhựa BHLĐ, găng tay cao su, khẩu trang, mặt nạ phòng độc...</p>
9	Đặc tính lý, hóa của hóa chất	<p>a) Trạng thái vật lý: Chất lỏng trong</p> <p>b) Điểm sôi (°C): 100 °C ở áp suất khí quyển.</p> <p>c) Màu sắc: Màu vàng nhạt.</p> <p>d) Điểm nóng chảy (°C): Chưa xác định</p> <p>đ) Mùi đặc trưng: Mùi hơi hắc gần giống như khí Cl₂</p> <p>e) Điểm cháy (°C) (Flash point) theo phương pháp xác định: Không có sẵn</p> <p>g) Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: Không có sẵn</p> <p>h) Nhiệt độ tự cháy (°C): Không có sẵn</p> <p>i) Tỷ trọng hơi (Không khí = 1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: Không có sẵn</p> <p>k) Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí): Không phù hợp</p> <p>l) Độ hòa tan trong nước: Hòa tan hoàn toàn</p> <p>m) Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí): Không phù hợp</p> <p>n) Độ pH: = 13</p> <p>o) Tỷ lệ hóa hơi: Không có sẵn</p> <p>p) Khối lượng riêng (kg/m³): 1.120 ở 25°C</p> <p>q) Các tính chất khác nếu có: Chưa có thông tin.</p>
10	Mức ổn định và phản ứng của hóa chất	<p>a) Khả năng phản ứng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Là chất oxi hóa mạnh, kém bền, bị phân hủy bởi axit và giải phóng ra khí Clo; - Bị phân hủy mạnh bởi tác dụng của các kim loại nặng như Fe, Ni, Co, Cu, Mn hay oxit của chúng. <p>b) Tính ổn định: Ông định cao</p>

STT	Nội dung	Giải thích																		
		<p>c) Phản ứng nguy hiểm: Phản ứng với nhôm, kẽm, niken và hợp kim nhôm tạo hyđrô có thể gây cháy nổ.</p> <p>d) Các điều kiện cần tránh: (ví dụ: tĩnh điện, rung, lắc...): Không phù hợp</p> <p>d) Vật liệu không tương thích: Fe, Ni, Co, Cu, Mn hay ôxít của chúng.</p> <p>e) Phản ứng phân hủy và các sản phẩm độc của phản ứng phân hủy: Chưa có thông tin</p>																		
11	Thông tin về độc tính	<p>a) Thông tin về các đường phơi nhiễm khác nhau:</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Tên thành phần</th> <th>Loại ngưỡng</th> <th>Kết quả</th> <th>Đường tiếp xúc</th> <th>Sinh vật thử</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td rowspan="3">Sodium Hypochlorite</td> <td>LD50</td> <td>8,91g/kg</td> <td>Uống</td> <td>Chuột</td> </tr> <tr> <td>LD50</td> <td>>10.000 mg/kg</td> <td>Da</td> <td>Thỏ</td> </tr> <tr> <td>LC50</td> <td>>10.500 mg/lít</td> <td>Hít</td> <td>Chuột</td> </tr> </tbody> </table> <p>b) Các triệu chứng liên quan đến tính độc hại của hóa chất và độc sinh thái</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đường mắt: Gây bỏng rát, sưng tấy đỏ, bỏng hỏng mắt dẫn đến mù lòa; - Đường thở: Tức ngực khó thở, ngứa, ho rát cổ; - Tiếp xúc da: Ngứa da, rát đỏ. - Đường tiêu hóa: Cảm giác bỏng rát, sặc nồng, đau ở khoang bụng, nôn mửa. - Độc liên quan đến sinh thái: Cây cỏ bị thâm đen rụng lá, động vật tiếp xúc thời gian dài sẽ chết. <p>c) Tác hại tức thì, tác hại lâu dài và những ảnh hưởng mãn tính do phơi nhiễm ngắn hạn và dài hạn: Chưa có thông tin</p> <p>d) Liệt kê những thông số về độc tính (ước tính mức độ độc cấp tính): Chưa có thông tin.</p>	Tên thành phần	Loại ngưỡng	Kết quả	Đường tiếp xúc	Sinh vật thử	Sodium Hypochlorite	LD50	8,91g/kg	Uống	Chuột	LD50	>10.000 mg/kg	Da	Thỏ	LC50	>10.500 mg/lít	Hít	Chuột
Tên thành phần	Loại ngưỡng	Kết quả	Đường tiếp xúc	Sinh vật thử																
Sodium Hypochlorite	LD50	8,91g/kg	Uống	Chuột																
	LD50	>10.000 mg/kg	Da	Thỏ																
	LC50	>10.500 mg/lít	Hít	Chuột																
12	Thông tin về sinh thái	<p>a) Độc môi trường (nước và trên cạn): Độc với môi trường nước và trên cạn.</p> <p>b) Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy: Chưa có thông tin.</p>																		

STT	Nội dung	Giải thích
		<p>c) Khả năng tích lũy sinh học: Có thể tích lũy sinh hóa.</p> <p>d) Độ linh động trong đất: Nếu sản phẩm đi vào đất, chúng sẽ có khả năng linh động và có thể làm ô nhiễm nước ngầm.</p> <p>đ) Các tác hại khác: Chưa có thông tin.</p>
13	Thông tin về thải bỏ	<p>Các thông tin xử lý an toàn, các biện pháp thải bỏ, có tính đến bao bì nhiễm độc:</p> <p>Căn cứ theo Luật Hóa Chất số 06/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007 và các văn bản hướng dẫn.</p>
14	Thông tin khi vận chuyển	<p>a) Số hiệu UN: 1791</p> <p>b) Tên phương tiện vận chuyển đường biển: Sodium Hypochlorite</p> <p>c) Loại nhóm hàng nguy hiểm trong vận chuyển: Loại 8</p> <p>d) Quy cách đóng gói (nếu có): Nhóm II</p> <p>đ) Độc môi trường (chất ô nhiễm đại dương): Chưa có thông tin</p> <p>e) Vận chuyển trong tàu lớn: Thùng phuy, xítéc, bồn chứa... bằng vật liệu tương thích.</p> <p>g) Những cảnh báo đặc biệt mà người sử dụng cần lưu ý, cần tuân thủ trong vận chuyển: Thiết bị chứa, đường ống, van phải sử dụng vật liệu tương thích đảm bảo chắc chắn an toàn trong vận chuyển.</p>
15	Thông tin về pháp luật	<p>Các thông tin pháp luật về an toàn, sức khỏe và môi trường đối với hóa chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luật hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007; - Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất; - Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009 của CP quy định Danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; - Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành

STT	Nội dung	Giải thích
		<p>một số điều của Luật hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quy chuẩn kỹ thuật tuân thủ: Tiêu chuẩn Việt Nam: TCVN 5507:2002.
16	<p>Các thông tin cần thiết khác, bao gồm các thông tin khi xây dựng và hiệu đính Phiếu an toàn hóa chất</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Ngày tháng biên soạn phiếu: Ngày 01/8/2007; - Ngày tháng bổ sung gần nhất: Ngày 04/6/2020; - Những thông tin trong phiếu an toàn hóa chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ, mới nhất về hoá chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn, tuy nhiên chúng không thể đảm bảo cho sự an toàn một cách tuyệt đối. Hóa chất nguy hiểm trong phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc. Trách nhiệm của người sử dụng là phải biết áp dụng, xác định những thông tin cần thiết và sử dụng chúng thật thận trọng trong từng mục đích./.